

Số: *76*/QĐ-UBND

Sơn Kim 1, ngày *10* tháng *7* năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai số liệu báo cáo quyết toán thu**  
**chi ngân sách xã năm 2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 06/07/2022 của HĐND xã Sơn Kim 1 về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021;*

*Theo đề nghị của Tài chính - Kế toán xã,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2021 với số liệu tổng hợp như sau:

**A. Tổng thu ngân sách xã năm 2021 là 16.094.176.891 đồng**

*(Mười sáu tỷ không trăm chín mươi tư triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi một đồng)*

Trong đó: - Thu tại xã:	49.870.000 đồng
- Thu điều tiết từ các khoản thuế	836.223.775 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	5.344.307.500 đồng
- Thu bổ sung ngân sách có mục tiêu	8.607.175.000 đồng
- Thu chuyển nguồn từ năm	1.253.797.400 đồng
- Thu kế dư ngân sách	2.803.216 đồng

**B. Tổng chi ngân sách xã năm 2021 là 16.094.176.891 đồng**

*(Mười sáu tỷ không trăm chín mươi tư triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi một đồng)*

Trong đó: - Chi xây dựng cơ bản: 4.576.356.000 đồng  
- Chi thường xuyên: 11.406.526.000 đồng  
- Chi chuyển nguồn ngân sách 111.294.891

*(Số liệu cụ thể có báo cáo chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Văn phòng UBND, Tài chính - Kế toán, các tổ chức, ban ngành và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện Hương Sơn;
- Phòng Tài chính- KH huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Thôn trưởng
- Lưu: VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thư

**BIÊN BẢN (sô 01)**

**Niên yết công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách năm 2021**

**I. Thời gian:** ngày 22 tháng 07 năm 2022

**II. Địa điểm:** Tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1

**III. Thành phần:** Gồm toàn thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân, thôn trưởng 9 thôn

**IV. Nội dung:**

1. Ông: Hoàng Văn Thư - Chủ tịch UBND thông qua Biên bản công khai theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

2. Thông báo các nội dung công khai

Công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2021

3. Hình thức công khai

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn

- Niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1, nhà văn hoá 9 thôn

4. Địa điểm, thời gian niêm yết

- Niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1, nhà văn hoá 9 thôn

- Thời gian niêm yết: từ ngày 22/07/2022 đến ngày 22/8/2022

5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã, Ban tài chính xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Biên bản thông qua trước cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn 11 h 30 phút cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

**Thư ký**

**Lê Thị Thu Hà**



**Hoàng Văn Thư**

**Thanh tra nhân dân**

**Nguyễn Thị Thúy**

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021**

**I. PHẦN THU:**

NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2021	QUYẾT TOÁN 2021	Đạt (%)
<b>TỔNG THU</b>	<b>6.047.695.500</b>	<b>16.094.176.891</b>	<b>266</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>62.000.000</b>	<b>49.870.000</b>	<b>80</b>
1. Thu phí, lệ phí	37.000.000	19.800.000	54
2. Thu khác	25.000.000	30.070.000	120
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ%</b>	<b>429.900.000</b>	<b>836.223.775</b>	<b>195</b>
1. Thuế chuyển quyền sử dụng đất			
2. Thu cấp quyền sử dụng đất	250.000.000	56.691.891	23
3. Thuế nhà đất	1.000.000		
4. Thuế môn bài từ hộ kinh doanh			
5. Thuế phi nông nghiệp			
6. Lệ phí trước bạ	60.000.000	33.226.279	55
7. Thuế tài nguyên	2.000.000	65.580.219	3 279
8. Thuế VAT và thu nhập doanh nghiệp	98.900.000	522.833.936	529
9. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	18.000.000	157.891.450	877
<b>III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.555.795.500</b>	<b>13.951.482.500</b>	<b>251</b>
1. Trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp trên	5.555.795.500	5.344.307.500	96
2. Trợ cấp mục tiêu		8.607.175.000	
<b>IV. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>1.253.797.400</b>	
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		<b>2.803.216</b>	

**II. PHẦN CHI:**

NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2020	QUYẾT TOÁN 2021	Đạt (%)
<b>TỔNG CHI</b>	<b>16.768.578.000</b>	<b>16.094.176.891</b>	<b>96</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>4.716.052.000</b>	<b>4.576.356.000</b>	<b>97</b>
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.570.000.000	4.430.304.000	
2. Đầu tư phát triển khác			
3. Chi đối ứng xi măng	146.052.000	146.052.000	100
<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>11.854.526.000</b>	<b>11.517.820.891</b>	<b>97</b>
<b>1. Chi quốc phòng, an ninh</b>	<b>704.271.000</b>	<b>683.587.000</b>	<b>97</b>
1.1: Chi Quốc phòng	501.811.000	489.081.000	97
+ Lương chỉ huy trưởng quân sự	81.355.000	80.604.000	99
+ Lương chỉ huy phó quân sự	23.244.000	23.244.000	100
+ Phụ cấp thôn đội trưởng	100.000.000	97.032.000	97
+ Phụ cấp trách nhiệm dân quân	53.424.000	52.424.000	98
+ Phụ cấp đặc thù dân quân	1.788.000	1.788.000	100
+ Chi hoạt động	140.000.000	136.951.000	98
+ Chi tuần tra biên giới	102.000.000	97.038.000	95
1.2: Chi an ninh	202.460.000	194.506.000	96

+ Phụ cấp công an xóm	80.460.000	80.460.000	
+ Chi hoạt động	20.000.000	18.916.000	95
+ Chi tuân tra biên giới	102.000.000	95.130.000	93
<b>2. Sự nghiệp giáo dục</b>	<b>20.000.000</b>	<b>17.000.000</b>	<b>85</b>
<i>Hoạt động chúc mừng khai giảng, bế giảng, chào mừng ngày 20/11</i>	20.000.000	17.000.000	85
<b>3. Hoạt động dân số KHH GD -y tế thôn</b>	<b>4.000.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>25</b>
- Chi hoạt động	4.000.000	1.000.000	25
<b>4. Sự nghiệp văn hoá thông tin</b>	<b>75.000.000</b>	<b>76.250.000</b>	<b>102</b>
- Chi khu dân cư	45.000.000	45.000.000	100
- Chi hoạt động văn hóa	30.000.000	31.250.000	104
<b>5. Sự nghiệp thể dục thể thao</b>	<b>30.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>17</b>
<b>6. Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>5.286.170.000</b>	<b>5.252.894.000</b>	<b>99</b>
- Sự nghiệp nông nghiệp - Giao thông - Thủy lợi	600.000.000	571.914.000	95
- Sự nghiệp lâm nghiệp ( chi hỗ trợ trồng rừng theo nghị quyết 123 của Tỉnh)	3.306.622.000	3.306.622.000	100
- Sự nghiệp môi trường ( hỗ trợ HTX vận chuyển xử lý rác thải môi Trường)	65.000.000	61.000.000	94
- Sự nghiệp môi trường ( mua thùng phân loại rác, sản phẩm HATIMIC cấp cho các thôn)	29.238.000	29.238.000	100
- Chi kinh phí 3 khu dân dân cư đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu	900.000.000	900.000.000	100
- Chi kinh cấp hỗ trợ XD vườn mẫu 2020, Kinh phí hỗ trợ lãi suất năm 2019	79.000.000	78.510.000	99
- Chi hỗ trợ mua các loại giống khắc phục thiên tai	155.310.000	155.310.000	100
- Chi hỗ trợ mua thùng cobozit cấp cho các thôn năm 2020	62.000.000	62.000.000	100
- Chi hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh năm 2020	76.000.000	76.000.000	100
- Sự nghiệp khác ( chăn nuôi thú y)	13.000.000	12.300.000	95
<b>7. Đảm bảo xã hội</b>	<b>209.232.000</b>	<b>208.728.000</b>	<b>100</b>
- Hưu xã	34.332.000	34.332.000	100
- BHYT các đối tượng	150.000.000	149.907.000	100
- Chi hoạt động khác công tác xã hội	10.000.000	9.589.000	
- Chi khác( mai táng phí)	14.900.000	14.900.000	100
<b>8. Chi quản lý nhà nước đảng đoàn thể</b>	<b>5.500.853.000</b>	<b>5.162.067.000</b>	<b>94</b>
<b>8.1. Quản lý nhà nước</b>	<b>4.028.271.000</b>	<b>3.758.824.000</b>	<b>93</b>
- Lương CBUB và các khoản phải nộp	1.300.402.000	1.257.309.700	97
- PC cán bộ ban chuyên trách (NTM, thú y, LN, phát thanh)	62.580.000	90.352.000	144
- Lương CT, PCT HĐND và các khoản phải nộp	95.333.000	99.043.000	104
- PC đại biểu HĐND +Hoạt động HĐND	234.000.000	198.532.000	85
- PC thôn trưởng	216.340.000	215.532.000	100
- PC kiểm soát thủ tục hành chính	7.152.000	6.672.000	93
-Phụ cấp tiếp dân	10.728.000	10.008.000	93
-Phụ cấp kế toán trưởng	1.788.000	1.728.000	97
- PC quản lý đề điều	5.964.000	5.940.000	100

- Phụ cấp người làm nhiệm vụ ở thôn	187.584.000	187.584.000	100
- Phụ cấp y tế thôn	50.000.000	48.276.000	97
- PC hợp đồng lao động vụ việc	80.000.000	79.908.000	100
- Chi hoạt động thường xuyên (Hội nghị sơ kết, tổng kết, Sửa chữa thường xuyên, tiền điện, nước sạch, VPP, photo, hoạt động tôn giáo....)	650.000.000	479.936.300	74
- Bộ phận 1 cửa	38.400.000	38.400.000	100
- Hoạt động đối ngoại	20.000.000		
- Hỗ trợ 50% chi phí đóng BHXH - BHYT cho cán bộ bán chuyên trách	15.000.000	15.000.000	100
- Hỗ trợ kinh phí phòng chống dịch COVID-19 cho Ban chỉ đạo, trạm y tế,	150.000.000	140.810.000	94
- Kinh phí bầu cử quốc hội, HĐND các cấp	160.000.000	157.510.000	98
- Kinh phí mua sắm phong màn, bàn ghế hội trường, hỗ trợ máy tính cho HTX Đại Thành	300.000.000	270.000.000	90
- Kinh phí hỗ trợ ban tuyên truyền phòng chống dịch COVID- 19 ở thôn	93.000.000	93.000.000	100
- Kinh phí phụ cấp ban quản lý XD NTM	250.000.000	223.493.000	89
- Kinh phí mua sắm máy tính và sửa chữa các thiết bị chuyên môn	100.000.000	98.740.000	99
- Chi nộp trả lên cấp trên ( theo kết luận của Kiểm toán thu hồi)		41.050.000	
<b>8.2. Đảng cộng sản Việt Nam</b>	<b>706.319.000</b>	<b>692.384.000</b>	<b>98</b>
- Lương CB Đảng và các khoản phải nộp	195.623.000	179.863.000	92
- Lương VP đảng ủy, BCH đảng ủy, BTCB, PC kiểm tra Đảng	440.696.000	432.561.000	98
- Hoạt động ( Hội nghị sơ kết, tổng kết, CTP, Đặt báo, điện thoại, VPP, hoạt động khác..)	80.000.000	79.960.000	100
<b>8.3. Mặt trận tổ quốc</b>	<b>163.171.000</b>	<b>159.941.000</b>	<b>98</b>
- Lương CB CTMT và các khoản phải nộp	77.927.000	83.165.000	107
- PC phó CTMT Tô quốc xã	23.244.000	32.776.000	141
- Phụ cấp trưởng ban CTMT			
- Hoạt động mặt trận ( Hội nghị tổng kết, CTP, VPP, hoạt động khác...)	17.000.000	19.500.000	115
- Thanh tra nhân dân	5.000.000	4.500.000	90
- KP vận động toàn dân XD NTM	20.000.000	20.000.000	100
- Dân tộc tôn giáo	20.000.000		
<b>8.4. Đoàn thanh niên CS HCM</b>	<b>116.508.000</b>	<b>115.835.000</b>	<b>99</b>
- Lương BT đoàn và các khoản phải nộp	75.564.000	74.939.000	99
- PC phó CT. Đoàn thanh niên	23.244.000	23.244.000	100
- Hoạt động ( Hội nghị tổng kết, CTP, VPP...)	15.000.000	14.952.000	100
- Hội liên hiệp thanh niên	2.700.000	2.700.000	100
<b>8.5. Hội liên hiệp phụ nữ</b>	<b>132.698.000</b>	<b>141.892.000</b>	<b>107</b>
- Lương CT HPN và các khoản phải nộp	79.454.000	88.648.000	112
- PC phó CT. HPN	23.244.000	23.244.000	100

- Hoạt động HPN ( Hội nghị sơ kết, tổng kết, đại hội Hội nhiệm kỳ 2021-2026)	26.000.000	26.000.000	100
- Vì sự tiến bộ của phụ nữ	4.000.000	4.000.000	100
<b>8.6. Hội cựu chiến binh</b>	<b>118.018.000</b>	<b>61.343.000</b>	<b>52</b>
- Lương CT CCB và các khoản phải nộp	82.774.000	26.499.000	32
- PC phó CT.HCCB	23.244.000	23.244.000	100
- Hoạt động ( Hội nghị tổng kết, CTP, VPP...)	12.000.000	11.600.000	97
<b>8.7. Hội nông dân</b>	<b>129.744.000</b>	<b>128.944.000</b>	<b>99</b>
- Lương CT HND và các khoản phải nộp	94.000.000	93.650.000	100
- PC phó CTHND	23.244.000	23.244.000	100
- Hoạt động ( Hội nghị tổng kết, CTP, VPP, ...)	12.500.000	12.050.000	96
<b>8.8. Các tổ chức hội khác</b>	<b>106.124.000</b>	<b>102.904.000</b>	<b>97</b>
- Hội người cao tuổi	58.244.000	57.274.000	98
+ Phụ cấp chủ tịch hội	23.244.000	23.244.000	100
+ Hoạt động (Tổng kết, VPP, CTP, hoạt động khác)	4.000.000	3.400.000	85
+ Chi tổ chức mừng thọ chúc thọ	21.000.000	20.630.000	98
+ Chi đại hội	10.000.000	10.000.000	
- Hội chữ thập đỏ	21.516.000	20.166.000	94
+ Phụ cấp chủ tịch hội	12.516.000	12.516.000	100
+ Hoạt động (Tổng kết, VPP, CTP, hoạt động khác)	9.000.000	7.650.000	85
- Nhóm tổ chức xã hội khác	26.364.000	25.464.000	97
+ Hội người tàn tật trẻ mồ côi ( Tổng kết, VPP, CTP)	4.000.000	3.400.000	85
+ Hội thanh niên xung phong (Tổng kết, VPP, CTP)	9.364.000	9.364.000	100
Phụ cấp chủ tịch hội CTNXP	5.364.000	5.364.000	100
Hoạt động	4.000.000	4.000.000	100
+ Hoạt động công đoàn	5.000.000	5.000.000	100
+ Hội khuyến học	5.000.000	5.000.000	100
- Ban liên lạc dân tộc	3.000.000	2.700.000	90
<b>9 Chi khác</b>	<b>25.000.000</b>		
<b>III. Dự phòng</b>	<b>108.000.000</b>		
<b>IV. Cải cách tiền lương</b>	<b>90.000.000</b>		
<b>V. Chi chuyển nguồn ngân sách 2021 sang năm 2022 để thực hiện chi trả các nội dung theo quyết định cấp nguồn</b>		<b>111.294.891</b>	

Sơn Kim 1, ngày tháng 6 năm 2022

KẾ TOÁN NGÂN SÁCH



Nguyễn Văn Khuyển

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thư

**BIÊN BẢN ( Số 02)**

**Kết thúc niêm yết công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách  
năm 2021**

**I. Thời gian:** ngày 22 tháng 8 năm 2022

**II. Địa điểm:** Tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1

**III. Thành phần:**

- |                           |                        |
|---------------------------|------------------------|
| 1. Ông: Hoàng Văn Thư     | - Chủ tịch UBND        |
| 2. Ông: Phan Thanh Tùng   | - Phó Chủ tịch Ủy ban  |
| 3. Bà: Nguyễn Thị Thúy    | - Thanh tra nhân dân   |
| 4. Ông: Lê Hữu Tùng       | - P. Chủ tịch Hội đồng |
| 5. Bà: Lê Thị Thu Hà      | - Thư ký               |
| 6. Ông: Nguyễn Văn Khuyến | - Kế toán              |

**IV. Nội dung:**

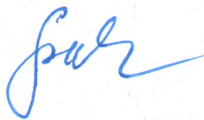
1. Ông Hoàng Văn Thư - Chủ tịch UBND thông qua nội dung cuộc họp và kết quả công khai nội dung niêm yết theo quy định.

2. Bà. Nguyễn Thị Thúy thông báo thông tin của cán bộ, công chức và ý kiến phản hồi của thôn trưởng 9 thôn khi niêm yết bảng công khai tại trụ sở UBND và Tại nhà văn hoá 9 thôn.

Toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân đã nhất trí với nội dung bản niêm yết về công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách năm 2021

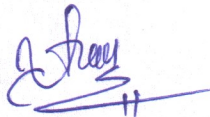
\* Kết luận: 100% cán bộ, công chức và nhân dân đã nhất trí với nội dung bản niêm yết về công khai số dự toán thu chi ngân sách năm 2021, không có ý kiến nào khác.

**Thư ký**



**Lê Thị Thu Hà**

**Thanh tra nhân dân**



**Nguyễn Thị Thúy**

**Chủ tịch**



**Hoàng Văn Thư**



